

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/DS-ST
Ngày 03/11/2022
V/v Tranh chấp
thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông RChâm Dương
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thái Nam, Cán bộ Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Khuất Hữu L; địa chỉ: tổ 7, phường D, thành phố P, tỉnh Gi (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Khuất Thị H; địa chỉ: Đội 4, thôn N, xã N, huyện T, thành phố H (có đơn đề nghị vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Khuất Thị T; địa chỉ: tổ 7, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị T địa chỉ: tổ 7, thị trấn I, huyện, tỉnh G (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Khuất Hữu L trình bày: Ông Khuất Hữu L1 và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng. Ông bà có ba người con là Khuất Thị H, Khuất Thị T và Khuất Hữu

L. Trong quá trình chung sống, ông L1 và bà T có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng 150m² đất và tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 89, địa chỉ: tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 086388 ngày 30/12/2005 đứng tên ông Khuất Hữu L1 và bà Nguyễn Thị T. Ngày 11/9/2015 ông L1 chết không để lại di chúc. Sau khi ông L1 chết gia đình không thống nhất được cách phân chia di sản của ông L1 để lại. Do đó anh Khuất Hữu L yêu cầu Tòa án phân chia di sản của ông Khuất Hữu L1 cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là chị Khuất Thị H, Khuất Thị T, Khuất Hữu L và bà Nguyễn Thị T.

- *Tại văn bản đề nghị nhận thừa kế ngày 07/6/2022, bị đơn chị Khuất Thị H trình bày:* ông Khuất Hữu L1 là cha của chị do lâm bệnh nặng nên chết ngày 11/9/2015. Ông L1 để lại tài sản là bất động sản đối với diện tích 150m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 086388 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 30/12/2005. Nay vì điều kiện lấy chồng ở xa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của chị. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà là vợ ông Khuất Hữu L1. Bà và ông L1 có 03 người con là Khuất Thị H, Khuất Thị T và Khuất Hữu L. Quá trình chung sống bà và ông L1 tạo lập được tài sản chung là căn nhà cấp 4 và diện tích đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 89, địa chỉ: tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện Ia. Ngày 11/9/2015 ông L1 chết không để lại di chúc, do gia đình không thỏa thuận được việc phân chia di sản của ông L1 để lại nên anh Khuất Hữu L khởi kiện. Nay bà đề nghị Tòa án xác định di sản của ông L1 là trị giá 1/2 của khối tài sản trên để chia cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất; 1/2 khối tài sản còn lại là thuộc quyền sử dụng của bà; bà đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà đất trên để bà quản lý và sử dụng vì hiện tại bà đang sinh sống trên căn nhà và mảnh đất đó. Bà sẽ thanh toán phần thừa kế còn lại của ông L1 cho những người khác theo giá trị mà họ được chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Khuất Thị T trình bày:* nhất trí với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Khuất Hữu L và ý kiến của bà Nguyễn Thị T.

- *Đại diện VKSND huyện Ia Grai phát biểu quan điểm:* Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Các đương sự cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật Đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu

cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn; xác định trị giá di sản của ông Khuất Hữu L1 là 285.961.850đ chia cho 04 người ở hàng thừa kế thứ nhất; giao nhà và đất cho bà T được quyền sở hữu và sử dụng, bà T phải thanh toán cho các thừa kế khác trị giá kỷ phần thừa kế mà họ được hưởng; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản. Ngoài ra còn buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Nguyên đơn anh Khuất Hữu L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế. Do vậy đây là vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Bị đơn chị Khuất Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Ông Khuất Hữu L1 chết ngày 11/9/2015 nhưng không để lại di chúc. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 không thống nhất được việc phân chia di sản nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia thừa kế của ông L1 theo quy định tại Điều 649 và 650 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về xác định di sản thừa kế: Theo quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự thì di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác. Ông Khuất Hữu L1 và bà Nguyễn Thị T tạo lập được căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích 150m² đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 89, địa chỉ: tổ dân phố 7, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai được định giá 571.923.700đ. Do đó trị giá di sản của ông L1 được xác định là 285.961.850đ.

[4]. Về xác định hàng thừa kế và phân chia di sản theo pháp luật: Theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì, hàng thừa kế thứ nhất của ông Khuất Hữu L1 bao gồm bà Nguyễn Thị T là vợ, các con là chị Khuất Thị H, chị Khuất Thị T và anh Khuất Hữu L. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Như vậy di sản của ông L1 được chia làm 04 phần bằng nhau, mỗi người được chia $(285.961.850\text{đ} : 4) = 71.490.462\text{đ}$.

[5]. Về phân chia hiện vật: Xét thấy hiện tại bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung của bà với ông L1, do đó cần thiết giao toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng 150m² đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 89, địa chỉ: tổ dân phố 7, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cho bà T sở hữu và sử dụng là phù hợp. Bà T phải thanh toán lại cho chị Khuất Thị H 71.490.462đ, chị Khuất Thị T 71.490.462đ và anh Khuất Hữu L 71.490.462đ.

[6]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Khuất Hữu L đã tạm nộp 6.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định và định giá. Theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí tương ứng với tỉ lệ giá trị được chia. Tuy nhiên tại phiên tòa anh L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền trên và không yêu cầu những người khác phải thanh toán lại. Do đó Hội đồng xét xử nghi nhận sự tự nguyện của anh L.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí như sau: Bà Nguyễn Thị T, chị Khuất Thị H và chị Khuất Thị T mỗi người phải nộp $71.490.462đ \times 5\% = 3.574.523đ$ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Anh Khuất Hữu L phải nộp 3.574.523đ nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 937.500đ theo biên lai thu số 0008563 ngày 13/5/2022 của Chi cục THADS huyện Ia Grai, anh L còn phải nộp tiếp số tiền $3.574.523đ - 937.500đ = 2.637.023đ$ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 167 của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế tài sản của anh Khuất Hữu L.
2. Chia cho anh Khuất Hữu L, chị Khuất Thị H, chị Khuất Thị T và bà Nguyễn Thị T, mỗi người được 71.490.462đ (*bảy mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*).
3. Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 diện tích 110m² cùng với mái hiên khung sắt, giếng nước, hàng rào và quyền sử dụng 150m² đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 89, địa chỉ: tổ dân phố 7, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 086388 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp ngày 30/12/2005. Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp đổi lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho anh Khuất Hữu L 71.490.462đ, chị Khuất Thị H 71.490.462đ và chị Khuất Thị T 71.490.462đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Khuất Hữu L chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000đ. Anh Khuất Hữu L đã nộp đủ.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, chị Khuất Thị H và chị Khuất Thị T, mỗi người phải nộp 3.574.523đ (ba triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Anh Khuất Hữu L phải nộp 3.574.523đ nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 937.500đ theo biên lai thu số 0008563 ngày 13/5/2022 của Chi cục THADS huyện Ia Grai, anh L phải nộp tiếp 2.637.023đ (hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn không trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công